

Số: 116 /KH-UBND

Tuyên Quang, ngày 28 tháng 7 năm 2021

KẾ HOẠCH

Thực hiện các giải pháp nâng cao chỉ số cải cách hành chính cấp tỉnh (PAR INDEX) và Chỉ số hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước (SIPAS) tỉnh Tuyên Quang năm 2021 và các năm tiếp theo

Căn cứ Quyết định số 641/QĐ-BNV ngày 25/5/2021 của Bộ Nội vụ về phê duyệt và công bố Chỉ số cải cách hành chính năm 2020 của các bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Quyết định số 628/QĐ-BNV ngày 21/5/2021 của Bộ Nội vụ về phê duyệt và công bố Chỉ số hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước năm 2020;

Năm 2020, Chỉ số cải cách hành chính tỉnh Tuyên Quang đạt 83,81%, xếp thứ 33 trong nhóm 56 tỉnh, thành phố nhóm B và xếp thứ 35/63 tỉnh, thành phố trong cả nước (*năm 2020 chỉ số CCHC tăng 0,99% so với năm 2019, tuy nhiên do các tỉnh, thành phố có chỉ số tăng cao nên tỉnh Tuyên Quang giảm từ vị trí thứ 16 năm 2019 xuống vị trí thứ 35 năm 2020*). Chỉ số hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của các cơ quan hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh đạt 82,25%, xếp thứ 49/63 tỉnh, thành phố, giảm 23 bậc so với năm 2019; trong đó, 05/05 chỉ số tỷ lệ hài lòng không đạt 100%.

Nguyên nhân của tồn tại, hạn chế là do các cơ quan, đơn vị chưa sâu sát, quyết liệt trong chỉ đạo, điều hành công tác cải cách hành chính, nhất là cải cách thủ tục hành chính; chưa gắn với trách nhiệm của các cá nhân, tổ chức trong việc thực hiện; tính chuyên nghiệp trong thực thi nhiệm vụ, công vụ của một bộ phận công chức, viên chức còn hạn chế; người dân, tổ chức còn e ngại trong việc thực hiện giải quyết TTHC qua dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 và dịch vụ bưu chính công ích.

Để khắc phục ngay những tồn tại, hạn chế của các chỉ số thành phần trong chỉ số cải cách hành chính, Chỉ số hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của các cơ quan hành chính nhà nước, Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang ban hành Kế hoạch thực hiện các giải pháp nâng cao Chỉ số cải cách hành chính cấp tỉnh (*sau đây gọi tắt là Chỉ số cải cách hành chính*) và Chỉ số hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước (*sau đây gọi tắt là Chỉ số hài lòng của người dân, tổ chức*) trong năm 2021 và thời gian tiếp theo, cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Tăng cường nhận thức và nâng cao trách nhiệm của người đứng đầu các sở, ban, ngành cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thành phố trong triển khai thực hiện công tác cải cách hành chính trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

- Triển khai thực hiện các giải pháp để nâng cao điểm số của các chỉ số thành phần xác định Chỉ số cải cách hành chính, Chỉ số hài lòng của người dân, tổ chức.

- Tạo điều kiện thuận lợi cho cá nhân, tổ chức trong giải quyết thủ tục hành chính, góp phần cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, nâng cao Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh.

2. Yêu cầu

- Việc thực hiện kế hoạch nâng cao Chỉ số cải cách hành chính, Chỉ số hài lòng của người dân, tổ chức phải đồng bộ, thống nhất, phù hợp với các nội dung, tiêu chí đánh giá của Bộ Nội vụ.

- Các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân huyện, thành phố đặc biệt là các cơ quan theo dõi, phụ trách các lĩnh vực của công tác cải cách hành chính đánh giá đúng thực trạng, kết quả thực hiện các nội dung và triển khai thực hiện có hiệu quả các giải pháp nhằm nâng cao Chỉ số cải cách hành chính, Chỉ số hài lòng của người dân, tổ chức.

II. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP

1. Nâng cao Chỉ số cải cách hành chính (Par Index)

1.1. Tập trung khắc phục các tiêu chí chấm điểm bị trừ điểm

a) Chỉ số “Công tác chỉ đạo, điều hành”

Tiêu chí thành phần sáng kiến hoặc giải pháp mới trong cải cách hành chính: Tham mưu, đề xuất các sáng kiến, giải pháp mới để triển khai thực hiện có hiệu quả công tác cải cách hành chính, đảm bảo hàng năm mỗi cơ quan, đơn vị có sáng kiến, giải pháp áp dụng lần đầu tiên mang lại hiệu quả trong thực hiện công tác cải cách hành chính.

b) Chỉ số “cải cách thủ tục hành chính”

- *Tiêu chí thành phần công khai TTHC:* Đảm bảo 100% TTHC được kịp thời công bố, công khai và cập nhật mới trên Cổng Dịch vụ công, Trang thông tin điện tử và tại nơi tiếp nhận hồ sơ, giải quyết TTHC.

- *Tiêu chí thành phần tỷ lệ hồ sơ TTHC do cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, UBND cấp huyện tiếp nhận trong năm được giải quyết đúng hạn:* Nâng cao chất lượng giải quyết thủ tục hành chính, khắc phục tình trạng giải quyết TTHC quá hạn; thực hiện nghiêm túc việc gửi “Thư xin lỗi” người dân, tổ chức đối với hồ sơ TTHC giải quyết trễ hẹn; công khai số điện thoại, địa chỉ thư điện tử và có sự

phối hợp chặt chẽ giữa nội bộ từng cơ quan, đơn vị và giữa các cấp, các ngành trong giải quyết thủ tục hành chính.

- Mỗi cán bộ, công chức, viên chức nêu gương trong việc lập tài khoản trên Cổng dịch vụ công quốc gia để sử dụng dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 khi thực hiện TTHC.

- Thành lập và vận hành có hiệu quả Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh, tạo điều kiện thuận lợi cho người dân, tổ chức, doanh nghiệp trong giải quyết TTHC.

c) Cải cách tài chính công

- *Tiêu chí thành phần số đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên, tự đảm bảo một phần chi thường xuyên và tỷ lệ giảm chi trực tiếp ngân sách cho đơn vị sự nghiệp so với năm 2015:*

+ Triển khai hướng dẫn thực hiện cơ chế tự chủ của các đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh theo quy định tại Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập; giảm dần số lượng các đơn vị sự nghiệp công lập do ngân sách nhà nước bảo đảm toàn bộ chi thường xuyên, tăng dần số lượng các đơn vị tự chủ tự bảo đảm chi thường xuyên và bảo đảm một phần chi thường xuyên, góp phần giảm chi ngân sách nhà nước.

+ Thực hiện tiết kiệm 10% chi thường xuyên (*trừ tiền lương và các khoản có tính chất như lương và các khoản chi cho con người theo chế độ*) ngay từ khi giao dự toán đầu năm cho các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh và các huyện, thành phố; điều chỉnh giảm dự toán đối với những nội dung không còn nhiệm vụ chi hoặc không có khả năng chi hết năm 2021; thực hiện cắt giảm tối thiểu 50% kinh phí hội nghị, đi công tác trong và ngoài nước còn lại và tiết kiệm thêm 10% chi thường xuyên khác còn lại của năm 2021.

+ Xây dựng kế hoạch thực hiện Đề án phát triển nguồn thu và tăng cường quản lý ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025 theo Quyết định số 368/QĐ-UBND ngày 08/6/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

+ Tăng cường công tác quản lý thu ngân sách nhà nước trong năm 2021; đẩy mạnh kỷ luật, kỷ cương tài chính; tập trung thực hiện tốt Luật ngân sách nhà nước, Luật thuế sửa đổi, bổ sung; quản lý, điều hành ngân sách theo hướng tiết kiệm, hiệu quả.

+ Xây dựng định mức chi thường xuyên giai đoạn 2022-2025; xây dựng phân cấp nguồn thu và nhiệm vụ chi giai đoạn 2022-2025; đề xuất xây dựng cơ chế tiết kiệm chi ngoài các quy định do trung ương ban hành.

- *Tiêu chí thành phần tổ chức thực hiện các kiến nghị sau kiểm toán nhà nước về tài chính, ngân sách:* Căn cứ Kết luận của Kiểm toán nhà nước, các cơ quan, đơn vị, Ủy ban nhân dân huyện, thành phố chủ động triển khai thực hiện hoàn thành 100% các kiến nghị theo quy định.

- *Tiêu chí thành phần thực hiện giải ngân kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước hằng năm:*

+ Các đơn vị được giao làm chủ đầu tư xây dựng kế hoạch chi tiết tiến độ thực hiện các dự án đầu tư từ bước chuẩn bị đầu tư, giải phóng mặt bằng, thi công xây dựng, giải ngân của từng công trình, dự án đảm bảo hoàn thành đạt 95-100% kế hoạch.

+ Cơ quan quản lý: Tiếp tục đôn đốc các chủ đầu tư trong việc thực hiện thanh toán, quyết toán dự án hoàn thành, đảm bảo đúng quy định về thời gian; phối hợp với Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, các chủ đầu tư xây dựng công trình tập trung đẩy nhanh tiến độ giải phóng mặt bằng các công trình, dự án; đẩy nhanh tiến độ thẩm định trình phê duyệt dự án, báo cáo kinh tế - kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công,... nhất là các công trình khởi công trong năm 2021; đôn đốc, theo dõi tiến độ triển khai đầu tư xây dựng, tiến độ giải ngân các dự án, công trình thuộc mọi nguồn vốn theo kế hoạch; rà soát kế hoạch năm 2021, tham mưu trình Ủy ban nhân dân tỉnh điều chuyển vốn các công trình, dự án hợp lý theo đúng quy định.

d) Chỉ số “Hiện đại hóa hành chính”

- *Tiêu chí thành phần triển khai kiến trúc chính quyền điện tử của tỉnh:* Hoàn thành cập nhật, ban hành kiến trúc Chính quyền điện tử tỉnh Tuyên Quang phiên bản 2.0 theo quy định.

- *Tiêu chí thành phần xây dựng, vận hành Cổng Dịch vụ công:* Nâng cấp, hoàn thiện các chức năng của Cổng Dịch vụ công và Hệ thống thông tin một cửa điện tử tỉnh Tuyên Quang đáp ứng các yêu cầu thực tế; rà soát, cập nhật, chuẩn hóa và công khai đầy đủ thông tin về các TTHC (mã TTHC, tên TTHC, quy trình thực hiện...) trên Cổng Dịch vụ công của tỉnh và trên cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC sau khi có Quyết định công bố của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

- *Tiêu chí thành phần tỷ lệ văn bản trao đổi giữa các CQHCCN dưới dạng điện tử:* Thực hiện có hiệu quả Quyết định số 19/2018/QĐ-UBND ngày 20/12/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh; ban hành Quy chế tiếp nhận, xử lý phát hành và quản lý văn bản điện tử giữa các cơ quan quản lý nhà nước trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang, tích cực sử dụng chữ ký số chuyên dùng nhằm nâng cao tỷ lệ văn bản trao đổi giữa các cơ quan hành chính nhà nước hoàn toàn dưới dạng điện tử; tăng tỷ lệ hồ sơ công việc được xử lý trên môi trường mạng tại 3 cấp tỉnh, huyện, xã. Đảm bảo 100% số văn bản trao đổi giữa các cơ quan hành chính nhà nước được thực hiện dưới dạng điện tử.

- *Tiêu chí thành phần tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 và 4 của tỉnh được tích hợp, cung cấp trên Cổng Dịch vụ công quốc gia; tỷ lệ TTHC đã triển khai có phát sinh hồ sơ và tỷ lệ hồ sơ TTHC được tiếp nhận qua dịch vụ Bru chính công ích:*

+ Ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết TTHC, đặc biệt dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4; TTHC giao dịch trên Cổng Dịch vụ công của tỉnh và

Hệ thống thông tin một cửa điện tử cấp tỉnh được xác thực điện tử; tiếp tục duy trì kết nối, tích hợp, chia sẻ dữ liệu với Công Dịch vụ công quốc gia.

+ Thực hiện các giải pháp nâng tỷ lệ TTHC phát sinh hồ sơ, tỷ lệ hồ sơ TTHC tiếp nhận qua dịch vụ bưu chính công ích theo quy định tại Quyết định số 45/2016/QĐ-TTg ngày 19/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ và Kế hoạch của Ủy ban nhân dân tỉnh.

+ Sở Thông tin và Truyền thông có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với Sở Nội vụ, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Bưu điện tỉnh và các cơ quan liên quan đề xuất với Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh giao chỉ tiêu cụ thể cho các sở, ban, ngành thuộc tỉnh, Ủy ban nhân dân huyện, thành phố trong việc thực hiện dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 và tiếp nhận, trả kết quả giải quyết TTHC cho cá nhân, tổ chức qua dịch vụ Bưu chính công ích; thời gian hoàn thành báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh **trước ngày 15/8/2021**.

e) Chỉ số “Tác động của cải cách hành chính đến phát triển kinh tế - xã hội”

- Tiêu chí thành phần mức độ thu hút đầu tư của tỉnh:

+ Triển khai thực hiện hiệu quả nhiệm vụ, giải pháp trong Đề án thu hút đầu tư trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2021-2025 theo Quyết định số 336/QĐ-UBND ngày 02/6/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

+ Tham mưu cơ chế, chính sách hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng khu công nghiệp, cụm công nghiệp làm cơ sở để mời gọi, thu hút nhà đầu tư phát triển kinh doanh hạ tầng Khu công nghiệp, cụm công nghiệp theo quy hoạch, qua đó tạo được quỹ đất để thu hút các dự án đầu tư sản xuất công nghiệp, đặc biệt các dự án công nghiệp có tiềm năng, thế mạnh của tỉnh và tính cạnh tranh cao như: Chế biến nông, lâm nghiệp; sản xuất vật liệu xây dựng; thủy điện; điện tử...

+ Tiếp tục theo dõi, hỗ trợ các dự án đang trong quá trình nghiên cứu, đề xuất và triển khai thực hiện, trong đó có dự án của các Tập đoàn lớn như: Tập đoàn Vingroup - Công ty CP, Công ty cổ phần Tập đoàn FLC, Công ty cổ phần Flamingo Redtours... hỗ trợ giải quyết các thủ tục liên quan, kịp thời giải quyết những khó khăn, vướng mắc khi nhà đầu tư có quyết định đầu tư, đặc biệt các thủ tục về xây dựng, đất đai, môi trường và công tác đền bù GPMB,.. để nhà đầu tư thực hiện dự án.

+ Xây dựng các tài liệu xúc tiến đầu tư đảm bảo cả về nội dung, hình thức để quảng bá thông tin về môi trường đầu tư của tỉnh; đồng thời đẩy mạnh các hoạt động xúc tiến đầu tư của tỉnh gắn với Chương trình xúc tiến đầu tư quốc gia, các bộ, ngành trung ương, các địa phương trong cùng khu vực để mời gọi, thu hút nhà đầu tư có tiềm năng từ các quốc gia thành viên EU, Mỹ, Nhật Bản, Hàn Quốc, Singapore,...

+ Gắn kết chặt chẽ giữa đầu tư công và đầu tư tư với phương châm “lấy đầu tư công dẫn dắt đầu tư tư” và “lấy đầu tư công thu hút đầu tư tư”. Tập trung chỉ đạo xây dựng các hạ tầng quan trọng phục vụ thu hút đầu tư, nhất là hạ tầng về giao thông, đô thị động lực, hạ tầng công nghệ thông tin.

+ Xây dựng và ban hành danh mục dự án có sử dụng đất giai đoạn 2021-2025 để mời gọi thu hút đầu tư.

- *Tiêu chí tỷ lệ doanh nghiệp thành lập mới*

+ Tham mưu xây dựng Chỉ thị của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về cải thiện môi trường đầu tư, nâng cao năng lực cạnh tranh của tỉnh.

+ Tăng cường cơ sở vật chất, thiết bị và cán bộ để hướng dẫn, hỗ trợ người dân lập hồ sơ, nộp hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử và sử dụng dịch vụ công trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia ngay tại Bộ phận một cửa, năm 2021 đạt tỷ lệ trên 60% số lượng hồ sơ đăng ký doanh nghiệp nộp trực tuyến, trong đó có trên 80% hồ sơ đăng ký doanh nghiệp sử dụng dịch vụ công trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia.

+ Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, chuẩn hóa dữ liệu đăng ký doanh nghiệp để triển khai liên thông, chia sẻ dữ liệu giữa cơ quan đăng ký kinh doanh, cơ quan thuế, bảo hiểm xã hội, cơ quan quản lý về lao động.

+ Tiếp tục thực hiện hỗ trợ miễn phí trả kết quả TTHC về đăng ký doanh nghiệp qua dịch vụ bưu chính công ích theo Nghị quyết số 06/2019/NQ-HĐND ngày 01/8/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

+ Ban hành Kế hoạch phát triển doanh nghiệp tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2021-2025 và tổ chức triển khai thực hiện.

- *Tiêu chí thành phần tỷ lệ đóng góp vào thu ngân sách tỉnh của khu vực doanh nghiệp:* Thực hiện các giải pháp nâng cao tỷ lệ đóng góp của khu vực doanh nghiệp vào ngân sách tỉnh, phấn đấu tỷ lệ đóng góp của năm sau cao hơn năm trước liền kề.

- *Tiêu chí thành phần tỷ lệ tăng tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP):* Thực hiện các cơ chế, chính sách thúc đẩy các ngành kinh tế phát triển, tăng hiệu quả hoạt động các cơ sở sản xuất kinh doanh, góp phần tăng tỷ lệ tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, phấn đấu tỷ lệ tăng tổng sản phẩm của năm sau cao hơn năm trước liền kề.

- *Tiêu chí thành phần mức độ thực hiện các chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội do HĐND tỉnh giao:* Xây dựng kế hoạch tổ chức thực hiện các chỉ tiêu, mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội do Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh giao, trong đó tập trung khắc phục những chỉ tiêu không đạt theo kế hoạch, gồm: Giá trị sản xuất công nghiệp, tổng mức bán lẻ hàng hóa và dịch vụ xã hội, tỷ lệ người dân có thẻ bảo hiểm y tế, thu hút khách du lịch và thu ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh.

1.2. Tập trung khắc phục hạn chế trong điều tra xã hội học

a) Nhiệm vụ, giải pháp chung

- Chỉ đạo, triển khai thực hiện có hiệu quả công tác cải cách hành chính trên tất cả các lĩnh vực, góp phần nâng cao kết quả đánh giá tác động của cải cách hành chính đến các chỉ số đánh giá, như: Chất lượng văn bản quy phạm

pháp luật do tỉnh ban hành; tổ chức bộ máy hành chính; quản lý cán bộ, công chức; chất lượng đội ngũ công chức viên chức; quản lý tài chính công và hiện đại hóa hành chính.

- Tăng cường phối hợp giữa cơ quan, đơn vị được thực hiện điều tra, khảo sát đánh giá tác động của cải cách hành chính đối với từng lĩnh vực trong đánh giá, chấm điểm xác định Chỉ số cải cách hành chính cấp tỉnh.

- Nâng cao vai trò, trách nhiệm của đối tượng được điều tra trong khảo sát, đánh giá.

b) Đối với việc đánh giá tác động của cải cách hành chính đến quản lý tài chính công và đánh giá tác động của cải cách hành chính đến hiện đại hóa hành chính: Thực hiện tốt các nhiệm vụ, giải pháp được nêu tại phần 1 mục II kế hoạch này.

c) Đối với đánh giá tác động của cải cách hành chính đến chất lượng văn bản quy phạm pháp luật:

- Công tác xây dựng và hoàn thiện văn bản quy phạm pháp luật

+ Thực hiện tốt văn bản chỉ đạo của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về nâng cao chất lượng xây dựng, hoàn thiện hệ thống pháp luật và tăng cường hiệu quả thi hành pháp luật.

+ Thường xuyên theo dõi, kịp thời tham mưu soạn thảo văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh theo đúng phân cấp của Trung ương, đảm bảo phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội của địa phương.

+ Thường xuyên kiểm tra, rà soát văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành; kịp thời phát hiện, kiến nghị cơ quan, người có thẩm quyền xử lý văn bản có nội dung không phù hợp theo quy định.

- Công tác theo dõi thi hành pháp luật

+ Tổ chức triển khai đầy đủ, kịp thời các hoạt động theo dõi thi hành pháp luật theo đúng quy định tại Nghị định số 59/2012/NĐ-CP ngày 23/7/2012 của Chính phủ về theo dõi tình hình thi hành pháp luật (*được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 32/2020/NĐ-CP ngày 05/3/2020 của Chính phủ*) và các văn bản hướng dẫn thi hành; kịp thời tham mưu cơ quan, người có thẩm quyền xử lý hoặc kiến nghị xử lý những vấn đề phát hiện qua công tác theo dõi thi hành pháp luật.

+ Thường xuyên theo dõi, đôn đốc, hướng dẫn và kiểm tra tình hình triển khai thực hiện công tác theo dõi thi hành pháp luật của các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh; kịp thời phát hiện, kiến nghị cơ quan, người có thẩm quyền xử lý, khắc phục những tồn tại, hạn chế tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc trong công tác thi hành pháp luật được phát hiện qua kiểm tra.

d) Đối với đánh giá tác động của cải cách hành chính đến tổ chức bộ máy hành chính nhà nước

- Thực hiện nghiêm, có hiệu quả Nghị quyết số 18-NQ/TW của Ban Chấp

hành Trung ương Đảng khóa XII, Nghị định số 107/2020/NĐ-CP ngày 14/9/2020, Nghị định số 108/2020/NĐ-CP ngày 14/9/2020 của Chính phủ để sắp xếp tổ chức bộ máy các cơ quan hành chính nhà nước tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả gắn với tinh giản biên chế và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức.

- Rà soát, sắp xếp, kiện toàn các đơn vị sự nghiệp công lập theo hướng tinh gọn, đa chức năng, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ cung cấp dịch vụ công trên địa bàn tỉnh theo tinh thần Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương khóa XII.

- Tổ chức thực hiện nghiêm, kịp thời các quy định của Chính phủ, của Bộ Nội vụ và các Bộ, ngành có liên quan về: Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và số lượng, cơ cấu của các cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, cấp huyện, đơn vị sự nghiệp công lập; về quản lý biên chế trong các cơ quan, đơn vị.

- Thực hiện phân cấp gắn với quyền hạn và trách nhiệm theo Nghị quyết số 99/NQ-CP ngày 24/6/2020 của Chính Phủ; khuyến khích sự năng động, sáng tạo và phát huy tính tích cực, chủ động của các cấp, các ngành trong thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước.

e) Đối với đánh giá tác động của cải cách hành chính đến quản lý cán bộ, công chức và chất lượng đội ngũ công chức, viên chức

- Cơ cấu, sắp xếp lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức các cấp, các ngành theo vị trí việc làm, khung năng lực, bảo đảm đúng người, đúng việc; sắp xếp, bố trí lại cơ cấu viên chức theo hướng vị trí chuyên môn, nghiệp vụ chiếm tỷ lệ ít nhất 65%.

- Nâng cao trách nhiệm và đạo đức công vụ, siết chặt kỷ luật, kỷ cương trong chỉ đạo, điều hành và thực thi công vụ của cán bộ, công chức, viên chức; thực hiện nghiêm Đề án văn hóa công vụ theo Quyết định số 1847/QĐ-TTg ngày 27/12/2018 của Thủ tướng Chính phủ, góp phần đẩy mạnh công tác cải cách hành chính.

- Thực hiện hiệu quả công tác tuyển dụng, nâng ngạch công chức, thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức theo đúng quy định; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin vào thi tuyển công chức, viên chức, đảm bảo công khai, minh bạch, đúng quy định nhằm rút ngắn thời gian thực hiện thủ tục hành chính trong tuyển dụng công chức, viên chức.

- Thực hiện công tác bổ nhiệm, bổ nhiệm lại đảm bảo kịp thời, đúng quy định; thí điểm thi tuyển một số chức danh lãnh đạo, quản lý, góp phần đổi mới căn bản, toàn diện đội ngũ công chức, viên chức lãnh đạo, quản lý đủ phẩm chất, năng lực, uy tín, ngang tầm nhiệm vụ theo Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 19/5/2018 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng.

- Thực hiện đánh giá cán bộ, công chức, viên chức theo đúng trình tự, thủ tục đánh giá, xếp loại; đối với người đứng đầu các cơ quan, đơn vị được đánh giá qua việc đặt hàng giao nhiệm vụ theo Quy định số 30-QĐ/TU ngày

20/5/2020 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về giao việc đột phá, đổi mới đối với một số chức danh cán bộ lãnh đạo, quản lý thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý.

- Nâng cao chất lượng công tác đào tạo, bồi dưỡng, tập trung đào tạo, bồi dưỡng trình độ chuyên môn, nghiệp vụ theo tiêu chuẩn ngạch, hạng chức danh nghề nghiệp cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức theo yêu cầu vị trí việc làm. Tăng cường tập huấn bồi dưỡng nghiệp vụ cho đội ngũ công chức tham mưu thực hiện công tác cải cách hành chính trên địa bàn tỉnh.

- Kịp thời rà soát, điều chỉnh, bổ sung và thực hiện có hiệu quả chính sách thu hút nguồn nhân lực có trình độ cao và chính sách hỗ trợ cán bộ, công chức, viên chức đi đào tạo trình độ sau đại học.

2. Nâng cao Chỉ số hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước (Sipas)

2.1. Chỉ số hài lòng về “Tiếp cận dịch vụ”

Đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị tại Bộ phận một cửa của các cơ quan, đơn vị theo đúng quy định, nhằm đáp ứng và phục vụ tốt nhất nhu cầu của người dân, tổ chức trong giải quyết TTHC.

2.2. Chỉ số hài lòng về “Thủ tục hành chính”

Bên cạnh việc thực hiện các giải pháp tại mục 1.1, phần II của Kế hoạch, các cơ quan, đơn vị thực hiện đúng quy định về thành phần hồ sơ thủ tục hành chính, mức phí, lệ phí theo đúng quy định.

2.3. Chỉ số hài lòng về “Công chức”

Bên cạnh việc thực hiện các giải pháp tại mục 1.2, phần II của Kế hoạch, các cơ quan, đơn vị chú trọng bồi dưỡng nâng cao nghiệp vụ, trách nhiệm, đạo đức công vụ của đội ngũ công chức thực hiện giải quyết thủ tục hành chính cho tổ chức, cá nhân.

2.4. Chỉ số hài lòng về “Kết quả giải quyết”

Nâng cao chất lượng giải quyết công việc nói chung và giải quyết thủ tục hành chính nói riêng của cơ quan hành chính nhà nước; kết quả giải quyết đảm bảo phù hợp với quy định, có thông tin đầy đủ, chính xác và đảm bảo tính công bằng.

2.5. Chỉ số hài lòng về “Tiếp nhận, xử lý ý kiến góp ý, phản ánh kiến nghị”

- Tiếp tục thực hiện nghiêm yết công khai địa chỉ tiếp nhận, phản ánh kiến nghị tại Bộ phận một cửa của các cơ quan, đơn vị theo quy định.

- Triển khai thực hiện các hình thức tiếp nhận góp ý, phản ánh kiến nghị phù hợp với từng cơ quan, đơn vị; dễ dàng thực hiện đối với người dân, tổ chức.

- Kịp thời tiếp nhận, giải quyết các ý kiến góp ý, phản ánh, kiến nghị của người, tổ chức góp phần nâng cao chỉ số hài lòng của người dân, tổ chức về tiếp nhận, xử lý ý kiến góp ý, phản ánh kiến nghị.

(Có Phụ lục thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp cụ thể kèm theo)

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Trách nhiệm của các cơ quan chuyên môn, cơ quan quản lý nhà nước thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; Ủy ban nhân dân huyện, thành phố

1.1. Người đứng đầu các sở, ban, ngành thuộc tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thành phố phải xác định rõ công tác CCHC là trách nhiệm của người đứng đầu và chịu trách nhiệm trước Chủ tịch UBND tỉnh về thực hiện các giải pháp để nâng cao Chỉ số Par index và Chỉ số Sipas cấp tỉnh.

1.2. Tiếp tục tăng cường công tác chỉ đạo, điều hành của người đứng đầu các cơ quan hành chính đối với công tác cải cách hành chính. Tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15/7/2021 của Chính phủ về Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021-2030; Kế hoạch số 136/KH-UBND ngày 28/12/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh về cải cách hành chính tỉnh Tuyên Quang năm 2021.

1.3. Căn cứ kết quả phân tích Chỉ số CCHC năm 2020 của tỉnh và kết quả đánh giá Chỉ số CCHC năm 2020 của cơ quan, đơn vị, khẩn trương rà soát, kiểm tra, đối chiếu các lĩnh vực/tiêu chí/tiêu chí thành phần bị trừ điểm, đạt điểm thấp để xác định rõ nguyên nhân của những tồn tại, hạn chế, yếu kém thuộc chức năng quản lý của ngành, địa phương; xây dựng chương trình, kế hoạch cụ thể để tổ chức thực hiện hoàn thành các nhiệm vụ, giải pháp theo kế hoạch này, góp phần cải thiện, nâng cao Chỉ số CCHC của tỉnh năm 2021 và những năm tiếp theo.

1.4. Phối hợp thực hiện các giải pháp nâng cao điểm số, chỉ số điều tra xã hội học và khảo sát sự hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước.

1.5. Có quyết định công nhận sáng kiến, giải pháp mới lần đầu tiên mang lại hiệu quả trong thực hiện công tác cải cách hành chính gửi kết quả về Sở Nội vụ tổng hợp trước ngày 25/12 của năm.

1.6. Các cơ quan, đơn vị báo cáo kết quả thực hiện Kế hoạch này định kỳ hàng quý, 6 tháng và báo cáo năm cùng với báo cáo cải cách hành chính định kỳ theo quy định gửi về Sở Nội vụ tổng hợp chung, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Trách nhiệm của các cơ quan được giao nhiệm vụ tham mưu, tổ chức thực hiện nhiệm vụ công tác CCHC của tỉnh:

a) Sở Nội vụ có trách nhiệm:

- Tham mưu với Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện có hiệu quả Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15/7/2021 của Chính phủ về Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021-2030; chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan xây dựng và trình UBND tỉnh ban hành "*Đề án về CCHC, xây*

dựng chính quyền điện tử tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2021-2025" và tổ chức thực hiện.

- Tham mưu, đề xuất trình Ủy ban nhân dân tỉnh thành lập Ban Chỉ đạo cải cách hành chính cấp tỉnh, **thời gian hoàn thành trước ngày 15/8/2021.**

- Tham mưu thực hiện hiệu quả, kịp thời công tác chỉ đạo, điều hành, cải cách tổ chức bộ máy, cải cách chế độ công vụ trên địa bàn tỉnh; tăng cường công tác kiểm tra việc thực hiện CCHC của các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh, xử lý hoặc kiến nghị cấp có thẩm quyền xử lý kịp thời các vấn đề phát hiện qua kiểm tra.

- Tham mưu thực hiện các giải pháp, góp phần nâng cao điểm số trong điều tra xã hội học đánh giá tác động của cải cách hành chính đến tổ chức bộ máy hành chính nhà nước; quản lý cán bộ, công chức và chất lượng đội ngũ công chức, viên chức.

- Hướng dẫn, theo dõi, tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện kế hoạch này định kỳ hàng tháng, trong đó đánh giá kết quả đạt được cụ thể của các chỉ tiêu, nhiệm vụ theo Bộ tiêu chí chấm điểm của Bộ Nội vụ, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh trước ngày 30 của tháng.

2.2. Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tham mưu đẩy mạnh thực hiện công tác cải cách thủ tục hành chính trên địa bàn tỉnh, hoàn thành các mục tiêu đề ra.

- Tham mưu triển khai thực hiện có hiệu quả Quyết định số 468/QĐ-TTg ngày 27/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án đổi mới việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính và Kế hoạch số 65/KH-UBND ngày 29/4/2021 của UBND tỉnh.

- Chủ trì, phối hợp với Sở Nội vụ, Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Thông tin và Truyền thông, Bưu điện tỉnh và các cơ quan liên quan tham mưu UBND tỉnh thành lập Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh (*thành lập trong Quý III/2021 và đưa vào hoạt động trong Quý IV/2021*).

- Định kỳ hằng tháng báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh kết quả thực hiện các chỉ tiêu, nhiệm vụ theo tiêu chí chấm điểm của Bộ Nội vụ thuộc lĩnh vực cải cách thủ tục hành chính qua Sở Nội vụ tổng hợp trước ngày 25 của tháng.

2.3. Sở Tư pháp

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện tốt công tác xây dựng, kiểm tra, rà soát văn bản quy phạm pháp luật và công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật của tỉnh.

- Thực hiện giải pháp duy trì và nâng cao điểm số các tiêu chí thuộc phạm vi chức năng, nhiệm vụ của ngành. Đẩy mạnh thực hiện các giải pháp, góp phần

nâng cao điểm số trong điều tra xã hội học đánh giá tác động của cải cách hành chính đến chất lượng văn bản quy phạm pháp luật.

- Định kỳ hằng tháng báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh kết quả thực hiện các chỉ tiêu, nhiệm vụ theo tiêu chí chấm điểm của Bộ Nội vụ thuộc lĩnh vực cải cách thể chế qua Sở Nội vụ tổng hợp trước ngày 25 của tháng.

2.4. Sở Tài chính

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo thực hiện tốt công tác cải cách tài chính công.

- Đẩy mạnh thực hiện các giải pháp, góp phần nâng cao điểm số trong điều tra xã hội học đánh giá tác động của cải cách hành chính đến quản lý tài chính công.

- Định kỳ hằng tháng báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh kết quả thực hiện các chỉ tiêu, nhiệm vụ theo tiêu chí chấm điểm của Bộ Nội vụ thuộc lĩnh vực cải cách tài chính công qua Sở Nội vụ tổng hợp trước ngày 25 của tháng.

2.5. Sở Thông tin và Truyền thông

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị tham mưu giải pháp thực hiện hiệu quả các nội dung về xây dựng và phát triển Chính quyền điện tử, chính quyền số.

- Theo dõi, đôn đốc các cơ quan, đơn vị triển khai thực hiện, đảm bảo hoàn thành các chỉ tiêu đề ra. Đẩy mạnh thực hiện các giải pháp, góp phần nâng cao điểm số trong điều tra xã hội học đánh giá tác động của cải cách hành chính đến hiện đại hóa hành chính.

- Hướng dẫn các cơ quan, đơn vị lập tài khoản cá nhân cho cán bộ, công chức, viên chức trên Cổng dịch vụ công quốc gia để sử dụng dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 khi có nhu cầu thực hiện TTHC.

- Định kỳ hằng tháng báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh kết quả thực hiện các chỉ tiêu, nhiệm vụ theo tiêu chí chấm điểm của Bộ Nội vụ thuộc lĩnh vực xây dựng Chính quyền điện tử, Chính quyền số qua Sở Nội vụ tổng hợp trước ngày 25 của tháng.

2.6. Sở Kế hoạch và Đầu tư

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị tham mưu với Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện hiệu quả các nội dung thuộc lĩnh vực của ngành phụ trách.

- Theo dõi, đôn đốc các cơ quan, đơn vị triển khai thực hiện, đảm bảo hoàn thành các chỉ tiêu đề ra.

- Định kỳ hằng tháng báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh kết quả thực hiện các chỉ tiêu, nhiệm vụ theo tiêu chí chấm điểm của Bộ Nội vụ thuộc lĩnh vực tác động cải cách hành chính đến phát triển kinh tế - xã hội qua Sở Nội vụ tổng hợp trước ngày 25 của tháng.

2.7. Bưu điện tỉnh

Phối hợp chặt chẽ với các cơ quan, đơn vị thực hiện tốt công tác điều tra xã hội học phục vụ xác định Chỉ số cải cách hành chính của tỉnh theo hướng dẫn của Bộ Nội vụ; thực hiện có hiệu quả việc tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính qua dịch vụ bưu chính công ích.

Trong quá trình thực hiện Kế hoạch nếu có khó khăn, vướng mắc các quan cơ quan, đơn vị kịp thời báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định (gửi Sở Nội vụ để tổng hợp chung)./.

Nơi nhận:

- Thường trực Tỉnh ủy; (báo cáo)
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các PCT UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành thuộc tỉnh;
- UBND huyện, thành phố;
- Bưu điện tỉnh;
- Chánh VP, các PCVP UBND tỉnh;
- TP, PTP, CV Khối NCTH;
- Phòng THCB; (Đ/c Tùng)
- Phòng KSTTHC; (Đ/c Huyền)
- Lưu: VT, NC. (P.Hà)

CHỦ TỊCH

Nguyễn Văn Sơn